

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HS-ST
Ngày: 07/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia;
2. Bà Bế Thị Bay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Thái Văn B, sinh ngày 25/9/1988 tại An Khê, Gia Lai; trú tại: Tổ 3, phường Ngô Mây, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị X; tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 04/7/2008 bị xử phạt tiền về hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, đã được xóa; ngày 15/01/2009 bị Toà án nhân dân thị xã A xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xoá án; Ngày 11/5/2010 bị Toà án nhân dân thị xã A xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xoá án; ngày 23/5/2013 bị Toà án nhân dân thị xã A xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xoá án; bị tạm giữ từ ngày 25/7/2019 đến ngày 30/7/2019 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Xuân A, sinh năm 1972; trú tại: Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị L, sinh năm 1971; trú tại: Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

2. Ông Lê Khắc K, sinh năm 1961; trú tại: Tổ 7, phường An Phú, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967; trú tại Tổ 7, phường An Phú, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

* *Người làm chứng*: Ông Thái Văn T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thái Văn B và Nguyễn Xuân H là bạn bè nên B thường xuyên đến nhà H chơi và gọi bố của H là ông Nguyễn Xuân A thân mật bằng “Dượng”. Vào cuối tháng 8 năm 2018, B đến nhà ông A chơi sau đó cùng ăn, uống rượu và ngủ lại nhà ông A. Sáng hôm sau, B nói với ông A “Dượng cho con mượn xe mô tô đi công việc, xong con trả”. Ông A đồng ý và giao xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 81G1-100.02 cho B. Ba ngày sau, không thấy B trả xe, ông A điện thoại đòi thì B lấy lý do chưa xong việc, chưa trả xe được. Do không có tiền tiêu xài nên khoảng 07h ngày 07/9/2018, B mang xe mô tô 81G1-100.02 đến Dịch vụ cầm đồ Khẩn gặp ông Lê Khắc K – Chủ tiệm cầm đồ, đề nghị cầm cố xe mô tô 81G1-100.02 để vay 4.000.000đ. Ông K hỏi nguồn gốc chiếc xe, B nói xe này do B mua lại của người khác, chưa làm thủ tục sang tên và đưa giấy chứng nhận của xe mô tô 81G1-100.02 cùng chứng minh nhân dân của B cho ông K xem thì ông K tin tưởng và đồng ý. Ông K viết hợp đồng cầm đồ, thời hạn từ ngày 07/9 đến ngày 06/10/2018 rồi nhận xe mô tô 81G1-100.02 cùng giấy đăng ký xe và đưa cho B 4.000.000đ. Vào ngày 11/9/2018 và ngày 14/9/2018 B hai lần đến yêu cầu ông K vay thêm tiền, ông K đồng ý và đưa cho B hai lần tổng cộng 1.500.000đ, đồng thời viết lại hợp đồng với số tiền vay là 5.500.000đ, thời hạn vay là từ 14/9 đến 13/10/2018. Số tiền nhận được từ ông K, B đã tiêu xài hết. Đến ngày 15/9/2018, B bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương làm thuê, sinh sống, B đã thay đổi số điện thoại và không thông báo cho gia đình biết chỗ ở cụ thể.

Hết hạn thỏa thuận trong hợp đồng, không thấy B đến trả tiền và lấy xe nên ngày 30/10/2018 ông K bán chiếc xe mô tô 81G1-100.02 cho ông Nguyễn Văn D lấy số tiền 8.000.000đ. Ông D mang xe về sửa chữa hết 2.000.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KLĐGTS ngày 15/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định: Giá trị của xe mô tô 81G1-100.02; đặc điểm nhận dạng: Loại xe hai bánh, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn trắng xanh, số máy 5C61069012, số khung RLCS5C6107Y069012 còn lại 40% tương đương với số tiền là 16.000.000đ x 40% = 6.400.000đ.

Quá trình điều tra đã thu giữ các tài liệu, đồ vật sau: Thu giữ của Thái Văn B: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 81F1-039.75, số máy 5C641050104, số khung RLCS5C641DY050084; 01 tờ giấy có nội dung cầm cố xe mô tô 81G1-100.02 giữa ông K và bị cáo B. Thu của ông Nguyễn Văn D: 01 xe mô tô biển số

81G1-100.02; 01 đăng ký xe mô tô xe máy của xe 81G1-100.02; Giấy bán xe đề ngày 30/10/2018 đối với xe mô tô biển số 81G1-100.02 giữa ông K và ông D. Thu của ông Lê Khắc K: 02 tờ giấy có nội dung cầm cố xe mô tô 81G1-100.02 giữa ông K và bị cáo B.

Quá trình điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Xuân A xe mô tô biển số 81G1-100.02 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của xe 81G1-100.02. Đối với giấy bán xe mô tô giữa ông K và ông D; các hợp đồng cầm đồ giữa ông K và bị cáo B được lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 81F1-039.75 đứng tên trong giấy đăng ký xe là anh Phạm Quốc Thành, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A chuyển xử lý trong vụ án khác.

Lời khai của bị hại ông Nguyễn Xuân A thể hiện: Bị cáo Thái Văn B là bạn của Nguyễn Xuân H, con của ông A. Vào khoảng tháng 8 năm 2008 B đến nhà ông chơi và mượn xe mô tô 81G1 – 100.02. Sau đó ông được biết bị cáo đã mang xe của ông đi cầm cố rồi bỏ nhà đi đâu không rõ, điện thoại không liên lạc được. Hiện nay ông A đã nhận lại xe mô tô 81G1 – 100.02, ông không có yêu cầu gì về bồi thường.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Khắc K thể hiện: Vào tháng 9/2018 ông K đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô 81G1 – 100.02 để cho Thái Văn B vay 5.500.000đ. Đến ngày 13/10/2018 là ngày kết thúc hợp đồng nhưng B không đến để trả tiền và nhận lại xe nên ngày 30/10/2018 ông K đã bán xe trên cho ông Nguyễn Văn D với giá 8.000.000đ.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn D tại phiên tòa thể hiện: Vào ngày 30/10/2018 ông D có mua của ông K 04 xe mô tô trong đó có chiếc xe 81G1 – 100.02 với giá 8.000.000đ. Sau khi mua về ông D đã sửa chữa hết 2.000.000đ. Ông đã giao nộp xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A, quá trình điều tra ông có yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông 10.000.000đ, tại phiên tòa gia đình bị cáo đã bồi thường đủ cho ông, do vậy ông không có yêu cầu gì thêm.

Lời khai của người làm chứng ông Thái Văn Thành tại phiên tòa thể hiện: Ông T là cha đẻ của bị cáo, sự việc mượn xe sau đó mang đi cầm cố của bị cáo thì ông không biết. Vào tháng 9/2018 bị cáo bỏ nhà đi đâu, làm gì thì ông không biết, gia đình không thể liên lạc được với bị cáo.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 02/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Thái Văn B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Thái Văn B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Vào tháng 8 năm 2018 bị cáo Thái Văn B đã mượn của ông Nguyễn Xuân A xe mô tô 81G1 – 100.02 trị giá 6.400.000đ để sử dụng. Đến ngày 07/9/2018 bị cáo mang xe này đi cầm cố lấy số tiền 5.500.000đ tiêu xài hết và bỏ trốn khỏi địa phương. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã một lần bị xử phạt hành chính và ba lần bị Tòa án xử phạt tù đều về các hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã chấp hành xong và hết thời gian được xem là có tiền án, tiền sự.

[6] Về hình phạt: Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã từng bị xử phạt hành chính, xử phạt tù về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng đã không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy cần xử phạt mức án nghiêm khắc để không chỉ răn đe, giáo dục đối với bị cáo mà còn phòng ngừa chung cho xã hội. Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời gian để bị cáo có thể cải tạo trở thành công dân tốt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn D đã nhận đủ tiền bồi thường và đều không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng gồm Giấy bán xe mô tô giữa ông K và ông D; các hợp đồng cầm đồ giữa ông K và bị cáo B liên quan đến việc chứng minh tội phạm nên tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Thái Văn B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

2. Xử phạt bị cáo Thái Văn B **15** (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 25/7/2019.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Thái Văn B phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (07/11/2019), bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Khắc K và bà Phan Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo